

Bản án số: 207/2021/DS-PT

Ngày: 08/3/2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy

Các Thẩm phán: Bà Trần Mỹ Cúc

Bà Đỗ Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 518/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 280/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2021/QĐ-PT ngày 08/02/2021, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1958

Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Số 94 đường T, tổ 4, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Cùng có mặt)

Bị đơn: Ông Phùng Văn C, sinh năm 1958

Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số 92 đường T, tổ 4, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Cùng có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp Chánh, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

(Giấy ủy quyền số công chứng 023965, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/9/2020 của Văn phòng Công chứng Dương Thái Hoàng)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C. Địa chỉ: T, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Việt D – Phó Chủ tịch

Ủy ban nhân dân huyện C (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 10/8/2020, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2016, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S thống nhất trình bày như sau:

Năm 1983, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S được nông trường cấp 01 lô đất có diện tích 1000m² mặt tiền T thuộc ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 1995, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S có bán bằng giấy tay cho ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N phần đất diện tích 500m² (10m x 50m) nằm trong lô đất diện tích 1000m² trên. Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S cùng ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N đã cất nhà ở ổn định trên các phần đất này.

Đối với phần đất nằm phía sau lô đất có diện tích 1000m² mặt tiền T thuộc ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích là 1132,4m² thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 100, bộ địa chính xã A, huyện C là đất công của Nhà nước quản lý. Từ năm 1983, ông D và bà S khai phá, trồng cây, tạo lập vườn cho đến nay chứ không hề bán cho ông Phùng Văn C và . Năm 2015, ông D và bà S đi đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này thì ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N tranh chấp phần đất diện tích 566,8m² thuộc phần đất diện tích là 1132,4m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 21 (TL 02) bộ địa chính xã A, huyện C. Vì ông C và bà N cho rằng ông D và bà S đã bán ông bà phần đất này cùng phần đất diện tích 500m² (10m x 50m) nằm trong lô đất diện tích 1000m² mặt tiền T thuộc ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc khiếu nại của các bên đã được Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện nhiều lần hòa giải nhưng không được nên ngày 07/12/2016, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S khởi kiện và yêu cầu công nhận phần đất diện tích 566,8m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 21 (TL 02) bộ địa chính xã A, huyện C (sau đo đạc thực tế là phần đất diện tích 566,2m² thuộc thửa số 66 và 68, tờ bản đồ số 100 (TL 2004) tọa lạc xã A, huyện C) cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S.

Ông D và bà S giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 566,2m² thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S (theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 15/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc san lấp mặt bằng Đất Thép thuộc một phần thửa đất số 66 và 68, tờ bản đồ số 100 (TL 2004) tọa lạc tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S có quá trình sử dụng đất lâu dài, là người trực tiếp khai phá, quản lý sử dụng đất từ năm 1983 cho đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N thống nhất trình bày:

Vào năm 1995 ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S có chuyển nhượng cho ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N 1 phần đất có diện tích 500m² (10m x 50m) nằm trong lô đất diện tích 1000m² mặt tiền T thuộc ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mà trước đây Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S được nông trường cấp hai bên chỉ mua bán bằng giấy tay và vợ chồng ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N và ông D bà S đã cất nhà ở ổn định trên các phần đất này.

Cùng ngày 22/7/1995, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S có nhượng thêm cho ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N 01 phần đất khác (phía sau phần đất 1.000 m² mà ông D bà S được nông trường cấp) diện tích 566,8m² là đất công của Nhà nước do nông trường quản lý tuy nhiên việc mua bán chỉ bằng miệng không lập giấy tờ gì và ông C và bà Nga đã khai phá và sử dụng cho đến nay.

Đến năm 2010, khi Nhà nước cho đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S tranh chấp. Và yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Ủy ban nhân dân xã đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành.

Nay ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 566,2m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 15/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc san lấp mặt bằng Đất Thép thuộc một phần thửa đất số 66 và 68, tờ bản đồ số 100 (TL 2004) tọa lạc tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N không đồng ý.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Đối với các yêu cầu của đương sự thì Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 280/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S.

Công nhận cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S được quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 566,2m² thuộc một phần thửa số 66 và 68, tờ bản đồ số 100 (tài liệu 2004), tọa lạc xã A, huyện C theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 15/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc san lấp mặt bằng Đất Thép có hiện trạng: Có 02 cây bạch đàn, có 50 cây tràm vàng, có 02

cây dừa theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 21/9/2020, ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông và bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C và bà N, y án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền củ bị đơn trình bày: Phần đất diện tích 566,8m² là đất công của Nhà nước do nông trường quản lý nhưng không ai sử dụng nên ông C và bà N đã khai phá, sử dụng và trồng cây từ năm 1995 cho đến nay không ai tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm điều tra xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất chưa đầy đủ mà đã công nhận phần đất có diện tích 566,2m² cho nguyên đơn là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chủ tọa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ vì phía bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất, cũng như không cung cấp được chứng cứ gì mới tại cấp phúc thẩm chứng minh cho yêu cầu của mình. Việc quản lý sử dụng liên tục, ngay tình của phía nguyên đơn đã có thời hạn trên 30 năm. Do đó, có cơ sở xác lập quyền sử dụng đất cho ông D, bà S đối với phần đất tranh chấp có diện tích 566,2m² thuộc một phần thửa số 66 và 68, tờ bản đồ số 100 (tài liệu 2004), tại xã A, huyện C. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức:

Đơn kháng cáo của ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N trong hạn

luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn:

Phần đất mà các bên tranh chấp có diện tích 566,2m² thuộc một phần thửa số 66 và 68, tờ bản đồ số 100 (tài liệu 2004), tại xã A, huyện C (theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 15/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc san lấp mặt bằng Đất Thép lập) trên đất hiện có 02 cây bạch đàn, 50 cây tràm vàng, 02 cây dừa theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Phần đất này có nguồn gốc là đất công của Nhà nước do nông trường quản lý, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Điều này được các đương sự xác nhận tại các buổi làm việc tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay.

Phía nguyên đơn cho rằng phần đất các bên đang tranh chấp là đất công do Nhà nước quản lý nhưng không sử dụng, từ năm 1983, ông D và bà S đã khai phá, trồng cây, làm vườn sử dụng cho đến nay chứ không chuyển nhượng cho ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N phần đất trên. Phía bị đơn thì cho rằng ngoài phần diện tích 500m² đã nhận chuyển nhượng của ông D, bà S có làm hợp đồng chuyển nhượng thì ông bà Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N có nhận chuyển nhượng thêm một phần đất khác (phía sau phần đất 1.000m² mà ông D, bà S được nông trường cấp và chuyển nhượng một phần) có diện tích 566,8m² là đất công của Nhà nước do nông trường quản lý nhưng không ai sử dụng nên ông C, bà N đã khai phá và sử dụng từ đó cho đến khi ông D, bà S tranh chấp.

Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì thấy được: Vào ngày 22/7/1995, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Ngọc S có chuyển nhượng cho ông bà Phùng Văn C, bà Trần Thị Thanh N 01 lô đất có diện tích 500m² (10m x 50m) nằm trong lô đất diện tích 1000m² mặt tiền T thuộc ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S được nông trường cấp. Tại thời điểm chuyển nhượng ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng bằng giấy tay để làm bằng chứng, ngoài ra không có chứng cứ gì chứng minh ông C, bà N có nhận chuyển nhượng thêm một phần đất khác phía sau lô đất đã chuyển nhượng trên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại Công văn số 800/UBND ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C trả

lời Công văn số 367/TAHCC ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C về nguồn gốc và quá trình sử dụng phần đất diện tích 566,2m² thuộc một phần thửa số 66 và 68, tờ bản đồ số 100 (tài liệu 2004) tọa lạc tại xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “Đất có nguồn gốc là đất của Nông trường Tam Tân, từ trước năm 1990 ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S khai phá sử dụng từ đó cho đến nay”.

Phía bị đơn cho rằng mình là người trực tiếp canh tác và sử dụng phần diện tích đất 566,2m² mà hiện các bên đang tranh chấp nhưng không chứng minh được có việc chuyển nhượng giữa phía bị đơn và nguyên đơn, cũng như không chứng minh được việc trực tiếp trồng các cây trên phần đất tranh chấp như cây trà, cây dừa, cây bạch đàn. Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về việc phía bị đơn trực tiếp sử dụng canh tác và trồng cây để giữ đất nhưng không xuất trình được chứng cứ mới gì chứng minh cho ý kiến của mình.

Tại Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Củ Chi lập ngày 26/8/2016, đại diện chính quyền địa phương cũng cho rằng một số cây trồng trên đất là do ông D, bà S trồng nhưng ông C và bà N không có ý kiến gì. Ngoài ra, sau khi Tòa án điều tra xác minh và cung cấp cho các đương sự biết về kết quả điều tra về nguồn gốc quá trình sử dụng đất nhưng phía bị đơn cũng không có ý kiến gì. Điều này cũng phù hợp với Công văn trả lời cho các đương sự của Ủy ban nhân dân huyện C tại Công văn số 10346/UBND-TNMT ngày 04/11/2016 có nội dung: “Phần đất này cũng có nguồn gốc là đất Nông trường Tam Tân quản lý. Năm 1995, Nông trường Tam Tân bàn giao Ủy ban nhân dân xã quản lý. Nhưng thực tế xã không quản lý và sử dụng mà do gia đình ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S quản lý và sử dụng và trồng cây trên đất này”.

Như vậy có cơ sở xác định phần đất tranh chấp diện tích là 566,2m² thuộc một phần thửa số 66 và 68, tờ bản đồ số 100 (tài liệu 2004) tọa lạc tại xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là của Nông trường Tam Tân quản lý nhưng do ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S đã khai phá, quản lý sử dụng đất từ trước năm 1990 cho đến nay theo như xác minh tại chính quyền địa phương.

Việc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 566,2m² thuộc một phần thửa số 66 và 68, tờ bản đồ số 100 (tài liệu 2004) tọa lạc tại xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng đất.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N,

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 280/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S:

Công nhận cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S được quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 566,2m² thuộc một phần thửa số 66 và 68, tờ bản đồ số 100 (tài liệu 2004), tọa lạc xã A, huyện C theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 15/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc san lấp mặt bằng Đất Thép có hiện trạng: Có 02 cây bạch đàn, có 50 cây tràm vàng, có 02 cây dừa theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng đất.

2. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phùng Văn C và bà Trần Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0005741 ngày 20/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Phùng Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0084578 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phùng Văn C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0085402 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Thanh N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Cúc

Đỗ Thị Kim Phượng

Lê Thu Thủy